

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022

“Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đưng Knul và ông Nguyễn Đình Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N trình bày: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/9/2015. Sau khi về chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có một con chung. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. N nhân do anh T thường xuyên chơi đánh bài, số đề, đá gà... Chị N khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình. Anh T nhiều lần đến nhà bố mẹ chị N tại thôn 2, xã C, huyện B để gây sự. Chị N nhận thấy vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị N và anh T đã sống ly thân, không quan tâm và chăm sóc gì nhau. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N với anh T có một con chung, tên là Trần Thị Tú L, sinh ngày 18/9/2016. Hiện nay cháu L đang ở với chị N và chị N có nguyện vọng nhận nuôi cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T không có tài sản chung và nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:* Anh T nhất trí với các nội dung chị N trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh T đồng ý ly hôn với chị N và có nguyện vọng nhận nuôi cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh N.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Thị Tú L, sinh ngày 18/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi.

Anh Trần Thanh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” được

quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Thanh T đang cư trú tại thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T kết đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B vào ngày 15/9/2015. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Hiện nay chị N và anh Tú sống ly thân và không quan tâm và chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Tú đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T có 01 (một) con chung: Cháu Trần Thị Tú L, sinh ngày 18/9/2016. Anh T và chị N đều có nguyện vọng nhận nuôi cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn tiến hành xác minh và được chính quyền địa phương cung cấp thông tin: “...Cháu Trần Thị Tú L, sinh ngày 18/9/2016 là con chung của chị N và anh T, hiện nay cháu L đang sinh sống với chị N tại thôn 2, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Chị N là giáo viên và đang công tác tại Trường mầm non H thuộc xã C, huyện B. Anh T đang bị bệnh rối loạn chuyển hóa đồng, không có việc làm ổn định và đang sống phụ thuộc vào cha mẹ tại thôn 6, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk”.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ...”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương và phần trình bày của các đương sự thì cháu L từ khi sinh ra cho đến nay chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T đang bị bệnh, không có việc làm ổn định và đang sống phụ thuộc vào cha mẹ. Chị N có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu L tốt hơn về mặt vật chất và tinh thần.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Thị Tú L cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Minh N không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. N đơn chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn chị Nguyễn Thị Minh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Tú L, sinh ngày 18/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi.

Anh Trần Thanh T có quyền thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Minh N không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Thanh T không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0002738 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: N đơn chị Nguyễn Thị Minh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã C, huyện B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

